ĐỀ XUẤT KHUNG QUẢN LÝ ĐA DẠNG SINH HỌC CHỦ ĐỘNG CHO CÁC DỰ ÁN CỦA PETROVIETNAM

NGUYỄN TRUNG TỈNH[1*] - HOÀNG THÁI LỘC[1] - ĐOÀN ĐẶNG PHI CÔNG[1] - PHẠM HỒNG QUÂN[1]

[1]Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển An toàn và Môi trường Dầu khí, Viện Dầu khí Việt Nam
Research and Development Center for Petroleum Safety and Environment,
Vietnam Petroleum Institute
*Tác giả liên hệ - Email: tinhnt.cpse@vpi.pvn.vn

Ngày nhận bài: 20/8/2026
Ngày sửa bài: 8/9/2026
Ngày duyệt đăng bài: 22/9/2026

Tóm tắt:

Các dự án của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) gồm nhiều lĩnh vực, từ thăm dò - khai thác ngoài khơi, công trình biển, đường ống và hạ tầng cảng đến chế biến dầu khí, công nghiệp khí, điện và công trình phụ trợ, được triển khai trong những khu vực có loại hình sinh cảnh khác nhau. Sự đa dạng này tạo ra các rủi ro đa dạng sinh học (ĐDSH) khác nhau. Bài viết đề xuất khung quản lý ĐDSH chủ động, thống nhất ở cấp Tập đoàn nhưng linh hoạt theo loại hình, vị trí và mức độ rủi ro của dự án. Trọng tâm là quy trình 4 bước: sàng lọc và đánh giá sơ bộ; xây dựng Kế hoạch quản lý ĐDSH (BMP); thẩm định, phê duyệt; triển khai, giám sát, báo cáo và cập nhật. Quy trình đưa ĐDSH vào quá trình ra quyết định từ sớm, áp dụng thứ bậc giảm thiểu, xem xét tác động gián tiếp và tích lũy và quản lý xuyên suốt vòng đời dự án, tạo cơ sở để Petrovietnam chuyển từ tiếp cận tuân thủ sang quản lý chủ động.

Từ khóa: *đa dạng sinh học, Petrovietnam, quản lý chủ động, kế hoạch quản lý đa dạng sinh học, thứ bậc giảm thiểu*

A proposed proactive biodiversity management framework for Petrovietnam's projects

Abstract:

Petrovietnam's projects span a wide range of activities, including offshore exploration and production, marine facilities, pipelines and port infrastructure, petroleum processing, the gas industry, power generation, and supporting facilities, and are implemented across areas with different habitat types. This diversity creates varying biodiversity risks that are managed under Vietnamese law and international standards. This study proposes a proactive biodiversity management framework that is consistent at the Group level while remaining flexible according to project type, location, and risk level. The framework centers on a four-step process: screening and preliminary assessment; preparation of a Biodiversity Management Plan (BMP); appraisal and approval; and implementation, monitoring, reporting, and updating. The proposed process integrates biodiversity considerations into decision-making at an early stage, applies the mitigation hierarchy, addresses indirect and cumulative impacts, and provides for biodiversity management throughout the project life cycle. It thereby provides a basis for Petrovietnam to shift from a compliance-oriented approach toward proactive biodiversity management.

Keywords: *biodiversity, Petrovietnam, proactive management, biodiversity management plan, mitigation hierarchy*

1. Đặt vấn đề

Đa dạng sinh học (ĐDSH) là nền tảng của cấu trúc, chức năng của các hệ sinh thái. Việt Nam có khoảng 3.260 km bờ biển cùng các hệ sinh thái rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, đất ngập nước có giá trị cao, song đang chịu sức ép từ mất sinh cảnh, ô nhiễm, khai thác quá mức và biến đổi khí hậu (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2022a); Chiến lược quốc gia về ĐDSH đến năm 2030 yêu cầu lồng ghép bảo tồn vào quy hoạch và dự án phát triển (Chính phủ, 2022). Các hoạt động công nghiệp quy mô lớn có thể gây áp lực lên ĐDSH thông qua chiếm dụng và phân mảnh sinh cảnh, phát thải và xả thải, hoạt động xây dựng - vận hành, thay đổi điều kiện sinh thái, gia tăng khả năng tiếp cận khu vực tự nhiên và các tác động tích lũy theo không gian và thời gian. Vì vậy, quản lý ĐDSH trong dự án không nên chỉ được xem là một nội dung bổ sung của đánh giá tác động môi trường (ĐTM), mà cần trở thành một bộ phận của quá trình ra quyết định và quản trị dự án.

Đối với Petrovietnam (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được đổi tên thành Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam từ ngày 09/4/2025; tên viết tắt Petrovietnam được giữ nguyên), yêu cầu này có tính đặc thù do Tập đoàn hoạt động trong nhiều lĩnh vực và không gian khác nhau: từ thăm dò - khai thác ngoài khơi, các công trình biển và tuyến ống, đến lọc hóa dầu, khí, điện và các hạ tầng công nghiệp, cảng và phụ trợ. Rủi ro ĐDSH do vậy không đồng nhất giữa các dự án. Một cách tiếp cận áp dụng cùng một mức độ khảo sát và kiểm soát cho mọi dự án vừa tốn kém, khó khả thi với dự án rủi ro thấp, vừa không bảo đảm tập trung nguồn lực vào những nơi có giá trị ĐDSH và mức độ rủi ro cao.

Pháp luật Việt Nam về ĐDSH và bảo vệ môi trường là nền tảng bắt buộc. Tuy nhiên, hiện nay ĐDSH trong các dự án của Tập đoàn chủ yếu được xem xét qua ĐTM và kế hoạch quản lý môi trường (EMP); chất lượng đánh giá, quản lý giữa các dự án chưa đồng đều và Tập đoàn chưa có hướng dẫn chung (Viện Dầu khí Việt Nam, 2026). Khi ĐDSH chỉ được xem xét sau khi địa điểm và thiết kế đã cơ bản được lựa chọn, cơ hội "tránh" - biện pháp hiệu quả và ít tốn kém nhất - bị thu hẹp (CSBI, 2015). Đối với một tập đoàn năng lượng quy mô lớn, yêu cầu quản lý cần được chủ động nâng cao hơn mức tuân thủ tối thiểu, trên cơ sở lựa chọn và nội hóa các nguyên tắc phù hợp của thông lệ quốc tế (IFC, 2012; World Bank, 2017; IPIECA và IOGP, 2016; ADB, 2024), đồng thời đáp ứng yêu cầu của đối tác, bên cho vay hoặc các cam kết cụ thể của dự án khi có liên quan.

Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất khung quản lý ĐDSH chủ động cho các dự án của Petrovietnam, lấy quy trình xây dựng, thẩm định và triển khai Kế hoạch quản lý ĐDSH (Biodiversity Management Plan-BMP) làm công cụ chính, nhằm thiết lập một cơ chế giúp nhận diện rủi ro sớm, lựa chọn biện pháp phù hợp, phân công trách nhiệm và duy trì quản lý ĐDSH trong suốt vòng đời dự án.

2. Cơ sở và định hướng xây dựng khung quản lý ĐDSH cho Petrovietnam

2.1. Cơ sở xây dựng khung

Khung quản lý được đề xuất dựa trên 3 lớp yêu cầu. Thứ nhất là pháp luật Việt Nam-mức yêu cầu bắt buộc, gồm Luật Đa dạng sinh học năm 2008, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (đều đã được sửa đổi, bổ sung, gần nhất năm 2025), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các văn bản sửa đổi; trong đó ĐDSH là một nội dung của ĐTM, gắn với các "yếu tố nhạy cảm về môi trường" khi phân loại dự án (Quốc hội, 2008, 2020, 2025; Chính phủ, 2022, 2025, 2026; Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2022b, 2025). Thứ hai là các nguyên tắc và thông lệ quốc tế có liên quan, trong đó có Tiêu chuẩn hoạt động số 6 của IFC (PS6), yêu cầu về ĐDSH trong khung môi trường - xã hội của Ngân hàng Thế giới (ESS6) và ADB (ESS6, có hiệu lực từ 01/01/2026, thay thế Tuyên bố chính sách an toàn năm 2009), cùng hướng dẫn chuyên ngành dầu khí của IPIECA và IOGP (IFC, 2012, 2019; World Bank, 2017; ADB, 2009, 2024; IPIECA và IOGP, 2016). Thứ ba là nhu cầu quản trị nội bộ của Petrovietnam, nhằm thống nhất cách tiếp cận và tạo khả năng kiểm soát chất lượng giữa các dự án.

Các nguồn tham chiếu quốc tế cung cấp nguyên tắc và công cụ để Petrovietnam từng bước chuyển các thực hành phù hợp thành yêu cầu của Tập đoàn, nhất là với dự án có sinh cảnh nhạy cảm, có yêu cầu của bên tài trợ hoặc nguy cơ tác động đáng kể.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu kết hợp: (i) tổng quan và phân tích so sánh pháp luật Việt Nam với IFC PS6, WB ESS6, ADB và các hướng dẫn ngành để nhận diện khoảng trống; (ii) khảo sát, thu thập tài liệu tại các cơ sở của Petrovietnam (lọc dầu, hóa dầu, nhiệt điện) và các khu bảo tồn; (iii) xây dựng bộ tiêu chí cho 9 nội dung (sàng lọc, hiện trạng, tác động, tránh, giảm thiểu, phục hồi, bồi hoàn, giám sát, tham vấn); (iv) lấy ý kiến chuyên gia ĐDSH và an toàn - sức khỏe - môi trường (HSE) về dự thảo Hướng dẫn (Viện Dầu khí Việt Nam, 2026).

2.3. Định hướng và nguyên tắc

Định hướng cốt lõi là quản lý theo rủi ro và theo vòng đời. Sàng lọc phải được thực hiện đủ sớm để kết quả ĐDSH có thể ảnh hưởng đến lựa chọn địa điểm, phương án và thiết kế. Mức độ khảo sát, đánh giá và kiểm soát được phân hóa theo giá trị ĐDSH, mức độ nhạy cảm của khu vực, loại hình hoạt động và khả năng xảy ra cũng như hậu quả của tác động. BMP sau đó phải chuyển kết quả đánh giá thành mục tiêu, biện pháp, chỉ số, nguồn lực và trách nhiệm có thể kiểm tra.

Một nguyên tắc nền tảng khác là thứ bậc giảm thiểu: tránh tác động trước hết; nếu không thể tránh thì giảm thiểu; tiếp theo là phục hồi; và chỉ xem xét bồi hoàn đối với tác động tiêu cực còn lại sau khi các bước trước đó đã được thực hiện phù hợp (CSBI, 2015). Các mục tiêu Không tổn thất ròng (No Net Loss - NNL) hoặc Lợi ích ròng (Net Gain - NG) chỉ nên đặt ra khi phù hợp với loại sinh cảnh, giá trị ĐDSH, yêu cầu pháp lý và tiêu chuẩn áp dụng, đồng thời phải có cơ sở đo lường và giám sát (IFC, 2019; BBOP, 2012).

3. Đề xuất quy trình xây dựng, thẩm định và triển khai kế hoạch quản lý đa dạng sinh học

Quy trình đề xuất gồm 4 bước: (1) sàng lọc và đánh giá sơ bộ; (2) xây dựng BMP; (3) thẩm định và phê duyệt BMP; và (4) triển khai, giám sát, báo cáo và cập nhật BMP (Hình 1). Cả 4 bước tạo thành một chu trình quản lý thích ứng, trong đó thông tin từ giám sát hoặc thay đổi của dự án có thể dẫn đến đánh giá lại rủi ro và điều chỉnh biện pháp. Tùy tính chất dự án, BMP có thể là tài liệu độc lập hoặc được tích hợp với EMP (Viện Dầu khí Việt Nam, 2026).

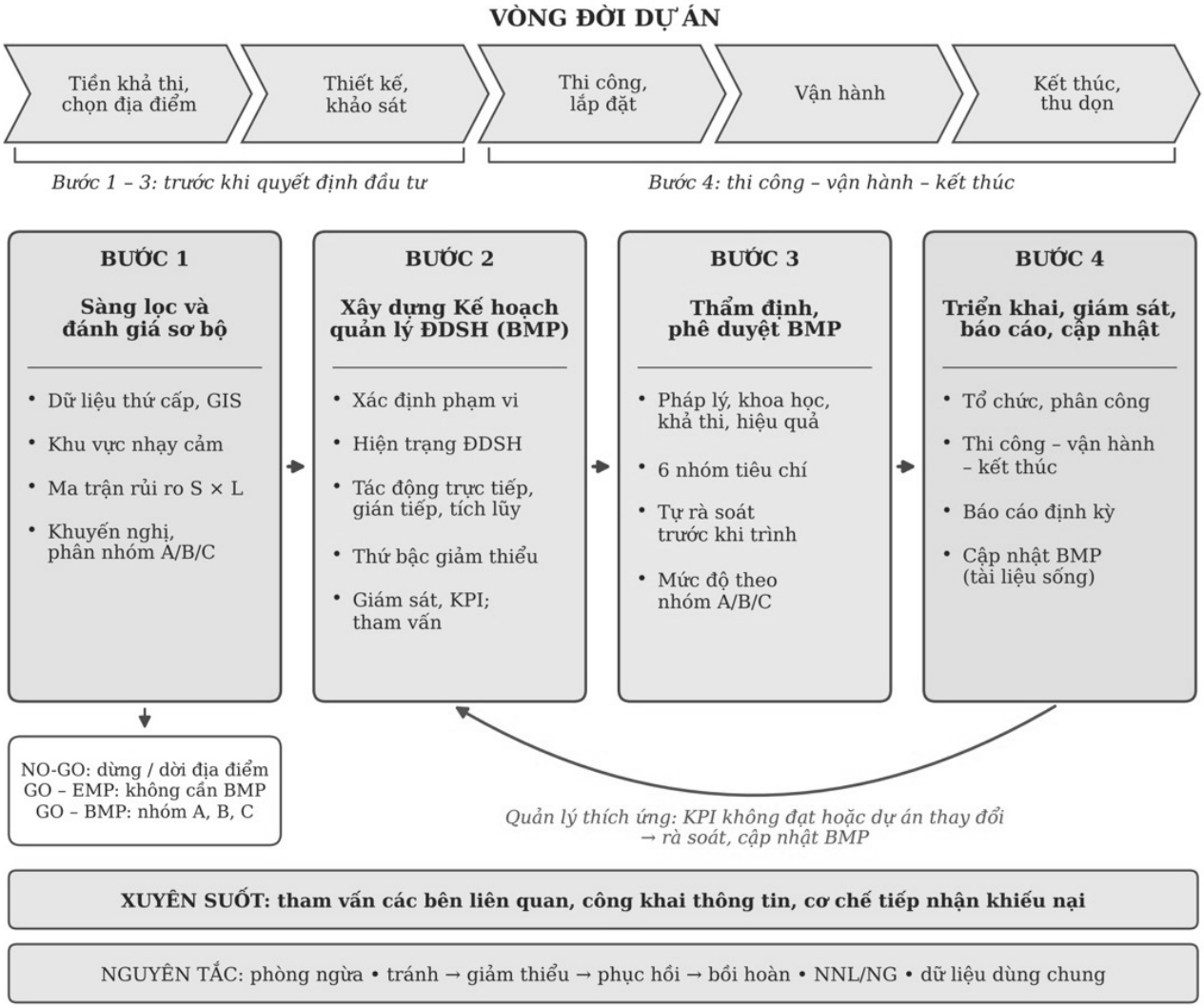
3.1. Sàng lọc và đánh giá sơ bộ

Sàng lọc đưa ĐDSH vào quá trình ra quyết định càng sớm càng tốt, chủ yếu dựa trên dữ liệu thứ cấp ở giai đoạn tiền khả thi. Nội dung chính gồm: xác định vị trí và các hạng mục dự án; nhận diện khu bảo tồn, vùng ĐDSH quan trọng, sinh cảnh tự nhiên hoặc nhạy cảm, loài có giá trị bảo tồn và dịch vụ hệ sinh thái trong phạm vi có khả năng chịu tác động (thường bán kính 10 - 15 km hoặc theo lưu vực, hành lang di cư); xem xét tác động trực tiếp, gián tiếp và tích lũy; rà soát nghĩa vụ pháp lý, yêu cầu tài trợ và cam kết của dự án.

Đầu ra là báo cáo sàng lọc xác định giá trị ĐDSH đáng lưu ý, rủi ro chính, khoảng trống dữ liệu và lộ trình quản lý tiếp theo. Với rủi ro rất cao và không có biện pháp khả thi, kết quả sàng lọc có thể dẫn tới điều chỉnh phương án hoặc địa điểm; với tác động không đáng kể và được pháp luật cho phép, có thể không cần BMP riêng; các trường hợp còn lại được yêu cầu lập BMP với mức độ chi tiết tương xứng.

Để áp dụng thống nhất, có thể phân hóa yêu cầu thành 3 nhóm (Bảng 1): Nhóm A - đáp ứng yêu cầu tối thiểu của pháp luật Việt Nam; Nhóm B - kết hợp yêu cầu pháp luật với các thực hành tốt được khuyến khích; Nhóm C - áp dụng pháp luật và các yêu cầu quốc tế liên quan khi dự án có cam kết hoặc yêu cầu tương ứng, chẳng hạn từ bên cho vay. Phân nhóm không làm giảm nghĩa vụ pháp lý bắt buộc.

Hình 1. Khung quản lý ĐDSH chủ động theo vòng đời dự án



Nguồn: Viện Dầu khí Việt Nam (2026)

Bảng 1. Phân tầng yêu cầu đối với BMP theo nhóm dự án

Nội dung	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C
Điều kiện	Đáp ứng yêu cầu tối thiểu của pháp luật; rủi ro thấp - trung bình	Kết hợp pháp luật với thực hành tốt; bắt buộc khi rủi ro cao, rất cao	Có cam kết hoặc yêu cầu quốc tế (bên cho vay…)
Hình thức BMP	Một mục trong ĐTM	Chương hoặc phụ lục kỹ thuật của ĐTM	Tài liệu độc lập hoặc trong ESIA
Thẩm định	Theo quy trình ĐTM	Có chuyên gia ĐDSH độc lập	Bên thứ ba được bên cấp vốn chấp thuận
Mục tiêu	Tuân thủ pháp luật	Giảm thiểu hiệu quả, khuyến khích NNL	NNL (sinh cảnh tự nhiên); NG (sinh cảnh quan trọng)
Giám sát, công khai	Theo quy định	Theo KPI; công khai bản tóm tắt	Giám sát độc lập; công khai đầy đủ

Nguồn: Viện Dầu khí Việt Nam (2026)

3.2. Xây dựng BMP

BMP chuyển kết quả sàng lọc và đánh giá thành một kế hoạch có thể thực hiện và kiểm tra. Trong 6 hợp phần cốt lõi gồm: xác định phạm vi; đánh giá hiện trạng; đánh giá tác động; lựa chọn biện pháp quản lý theo thứ bậc giảm thiểu; chương trình quản lý - giám sát - đánh giá; và tham vấn các bên liên quan. Mỗi biện pháp cần gắn với nguồn tác động, đối tượng tiếp nhận, địa điểm, thời gian, tiêu chuẩn thực hiện, trách nhiệm và điều kiện kích hoạt biện pháp bổ sung.

Một yêu cầu quan trọng là khả năng truy xuất từ tác động đã nhận diện đến biện pháp quản lý và chỉ số giám sát. Dữ liệu nền phải nêu rõ phạm vi, phương pháp, thời điểm khảo sát và hạn chế; khảo sát cần bao trùm tối thiểu 2 mùa và các thời kỳ sinh học quan trọng, sử dụng phương pháp định lượng, sản phẩm gồm bản đồ sinh cảnh tỷ lệ 1:5.000 - 1:10.000 và cơ sở dữ liệu số có tọa độ (Gullison và cộng sự, 2015); với khu vực dữ liệu hạn chế, cần nêu rõ mức độ bất định khi diễn giải. Đánh giá tác động cần định lượng được các chỉ số như diện tích sinh cảnh bị mất, mức suy giảm quần thể (Hardner và cộng sự, 2015); giám sát dựa trên bộ chỉ số hiệu quả (KPI), đường cơ sở, ngưỡng cảnh báo, rà soát tối thiểu hàng năm. Bồi hoàn không được dùng để thay thế cho tránh, giảm thiểu hoặc phục hồi; nếu được xem xét, phải có căn cứ về tác động còn lại, tính tương đương sinh thái, tính bổ sung, tính lâu dài và khả năng thực hiện (BBOP, 2012; World Bank, 2016).

3.3. Thẩm định và phê duyệt BMP

Thẩm định nhằm bảo đảm BMP có đủ căn cứ, phù hợp yêu cầu và khả thi trước khi triển khai. Bộ tiêu chí đề xuất gồm6 nhóm: tuân thủ pháp luật và cam kết; chất lượng và tính đầy đủ của dữ liệu nền; tính hợp lý của đánh giá tác động; sự phù hợp và khả thi của biện pháp quản lý; tính đầy đủ của giám sát, báo cáo và quản lý thích ứng; và chất lượng tham vấn, công khai thông tin, xử lý ý kiến. Bộ tiêu chí có thể được sử dụng để tự rà soát trước khi trình cấp có thẩm quyền. Quy trình phê duyệt phải tuân theo phân cấp nội bộ và pháp luật hiện hành, không tự tạo thêm thẩm quyền.

3.4. Triển khai, giám sát, báo cáo và cập nhật BMP

BMP chỉ có giá trị quản lý khi được chuyển thành nhiệm vụ, tiến độ, ngân sách, năng lực và trách nhiệm cụ thể. Chủ dự án hoặc đơn vị vận hành chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện; nhà thầu và tư vấn thực hiện các nghĩa vụ được giao; bộ phận HSE và chuyên gia ĐDSH phối hợp kiểm tra, giám sát và báo cáo. Trong thi công cần kiểm soát mặt bằng, chất thải, sự cố, hoạt động của nhà thầu và các hoạt động có rủi ro; trong vận hành duy trì giám sát các chỉ số ĐDSH và xem xét các thay đổi về điều kiện sinh thái; khi kết thúc dự án cần xem xét tháo dỡ, phục hồi, giám sát sau đóng cửa và các nghĩa vụ còn lại.

Quản lý thích ứng là yêu cầu xuyên suốt. Khi giám sát cho thấy biện pháp không đạt mục tiêu, xuất hiện tác động mới hoặc dự án thay đổi đáng kể, cần cập nhật đánh giá rủi ro và điều chỉnh BMP. Như vậy, BMP được xem là công cụ quản lý động thay vì một hồ sơ chỉ phục vụ giai đoạn chuẩn bị dự án.

4. Giá trị và tính ưu việt của quy trình được đề xuất trong quản lý đa dạng sinh học tại Petrovietnam

Giá trị nổi bật của quy trình là chuyển trọng tâm từ "tuân thủ" sang "chủ động quản lý". Pháp luật vẫn là nền tảng bắt buộc, nhưng Petrovietnam có thể chủ động đặt ra yêu cầu quản lý cao hơn khi rủi ro, giá trị ĐDSH hoặc yêu cầu của dự án đòi hỏi. Cách tiếp cận này giúp ĐDSH trở thành một nội dung của quản trị dự án thay vì chỉ là một phần của hồ sơ môi trường.

Quy trình tạo ra một chuẩn quản lý thống nhất nhưng không áp dụng máy móc. Với hệ thống dự án đa dạng của Petrovietnam, yêu cầu được phân hóa theo loại hình, vị trí, giá trị ĐDSH và mức độ rủi ro. Công trình ngoài khơi, tuyến ống, cảng, tổ hợp lọc hóa dầu, nhà máy điện hay cơ sở trên đất liền có thể sử dụng cùng một logic quản lý nhưng khác nhau về phạm vi khảo sát, đối tượng cần bảo vệ và biện pháp kiểm soát.

Quy trình mở rộng phạm vi quản lý vượt khỏi "hàng rào dự án" khi cần thiết. Các tác động từ đường tiếp cận, vận chuyển, cảng, nạo vét, chuỗi cung ứng và hoạt động của nhà thầu có thể tạo áp lực lên ĐDSH dù không nằm hoàn toàn trong phạm vi công trình. Việc xem xét tác động gián tiếp và tích lũy giúp tránh đánh giá rủi ro chỉ dựa trên diện tích chiếm dụng trực tiếp.

Quy trình đưa ĐDSH vào các quyết định có tính chất khó đảo ngược. Khi sàng lọc được thực hiện từ giai đoạn lựa chọn địa điểm và thiết kế, Petrovietnam có cơ hội ưu tiên tránh tác động hoặc điều chỉnh phương án trước khi chi phí thay đổi trở nên lớn. Đây là ưu điểm quan trọng so với cách tiếp cận chỉ tập trung vào các biện pháp giảm thiểu sau khi phương án đã cơ bản được quyết định.

Quy trình phân định trách nhiệm giữa chủ dự án, đơn vị vận hành, nhà thầu, tư vấn và các bộ phận chuyên môn. Điều này đặc biệt cần thiết đối với các dự án có nhiều hạng mục, nhiều nhà thầu hoặc chuyển tiếp qua nhiều giai đoạn.

Cuối cùng, việc hình thành một khung quản lý thống nhất tạo cơ sở để Petrovietnam từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu, tiêu chí, biểu mẫu và năng lực chuyên môn về ĐDSH ở cấp Tập đoàn. Đây là điều kiện quan trọng để chuẩn hóa chất lượng quản lý giữa các đơn vị, đồng thời nâng cao khả năng đáp ứng các yêu cầu của đối tác và tổ chức tài chính quốc tế khi phát sinh (Viện Dầu khí Việt Nam, 2026).

5. Kết luận và kiến nghị

Quản lý ĐDSH trong các dự án Petrovietnam cần được chuyển từ cách tiếp cận chủ yếu nhằm đáp ứng yêu cầu tuân thủ sang một cơ chế quản lý chủ động, thống nhất và thích ứng theo rủi ro. Khung được đề xuất lấy quy trình 4 bước - sàng lọc và đánh giá sơ bộ; xây dựng BMP; thẩm định, phê duyệt; và triển khai, giám sát, báo cáo, cập nhật - làm công cụ để thực hiện định hướng này.

Giá trị của quy trình không nằm ở việc tạo thêm thủ tục, mà ở khả năng kết nối nhận diện rủi ro với quyết định dự án, biện pháp quản lý, nguồn lực, trách nhiệm và giám sát trong suốt vòng đời dự án. Cách tiếp cận này cho phép Petrovietnam duy trì nền tảng tuân thủ pháp luật Việt Nam, đồng thời chủ động nội bộ hóa các thực hành tốt phù hợp để từng bước hình thành chuẩn quản lý ĐDSH của Tập đoàn.

Để triển khai, cần hoàn thiện và tích hợp Hướng dẫn theo hệ thống quản trị của Petrovietnam; xác định đầu mối chuyên môn, chuyên gia và yêu cầu năng lực tương ứng; đồng thời áp dụng thử nghiệm ở một số loại hình dự án đại diện. Kết quả triển khai cần được theo dõi để tiếp tục cập nhật Hướng dẫn trên cơ sở bài học thực tế. Đối với các nội dung như bồi hoàn ĐDSH, NNL/NG và sinh cảnh quan trọng, việc áp dụng cần thận trọng, dựa trên cơ sở khoa học, pháp luật và tiêu chuẩn phù hợp ■

Lời cảm ơn:

Bài báo sử dụng thông tin từ kết quả nhiệm vụ khoa học công nghệ của Viện Dầu khí Việt Nam do Petrovietnam định hướng thực hiện và tài trợ kinh phí. Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn Petrovietnam, các chuyên gia, cộng tác viên thuộc một số lĩnh vực liên quan đã hỗ trợ, cho ý kiến để hoàn thiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2022a). Báo cáo đa dạng sinh học quốc gia. Nhà xuất bản Hồng Đức.

Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2022b). Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2025). Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chính phủ. (2022). Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chính phủ. (2022). Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chính phủ. (2025). Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chính phủ. (2026). Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

Quốc hội. (2008). Luật số 20/2008/QH12: Luật Đa dạng sinh học, ban hành ngày 13/11/2008.

Quốc hội. (2020). Luật số 72/2020/QH14: Luật Bảo vệ môi trường, ban hành ngày 17/11/2020.

Quốc hội. (2025). Luật số 146/2025/QH15: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, ban hành ngày 11/12/2025.

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. (2024). Báo cáo Phát triển bền vững năm 2023.

Viện Dầu khí Việt Nam. (2026). Báo cáo tổng kết nhiệm vụ khoa học công nghệ "Nghiên cứu xây dựng Hướng dẫn bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trong quá trình triển khai các dự án dầu khí" (Mã số 01/ATBVMT/VPI/2024/KHCN).

Asian Development Bank. (2009). Safeguard policy statement. Asian Development Bank.

Asian Development Bank. (2024). Environmental and social framework. Asian Development Bank. https://www.adb.org/who-we-are/environmental-social-requirements/environmental-social-framework.

Business and Biodiversity Offsets Programme. (2012). Resource paper: No net loss and loss-gain calculations in biodiversity offsets. Forest Trends.

Cross-Sector Biodiversity Initiative. (2015). A cross-sector guide for implementing the mitigation hierarchy. The Biodiversity Consultancy.

Gullison, R. E., Hardner, J., Anstee, S., & Meyer, M. (2015). Good practices for the collection of biodiversity baseline data. Multilateral Financing Institutions Biodiversity Working Group & Cross-Sector Biodiversity Initiative.

Hardner, J., Gullison, R. E., Anstee, S., & Meyer, M. (2015). Good practices for biodiversity inclusive impact assessment and management planning. Multilateral Financing Institutions Biodiversity Working Group.

International Finance Corporation. (2012). Performance standard 6: Biodiversity conservation and sustainable management of living natural resources. International Finance Corporation.

International Finance Corporation. (2019). Guidance note 6: Biodiversity conservation and sustainable management of living natural resources (updated June 27, 2019). International Finance Corporation.

IPIECA, & IOGP. (2016). Biodiversity and ecosystem services fundamentals: Guidance document for the oil and gas industry. IPIECA.

World Bank. (2016). Biodiversity offsets: A user guide. World Bank.

World Bank. (2017). The World Bank environmental and social framework. World Bank.